

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 18/2022/HS-ST

Ngày 09 - 9 - 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Minh Trọn.

- Ông Mạc Hoàng Nhủ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca – Là Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Võ Việt Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 10/2022/TLST-HS ngày 20 tháng 06 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2022/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 07 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: P H T, sinh năm 1976; hộ khẩu thường trú: Ấp ĐS, xã TH, HPT, TCM; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Làm Thuê; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông P V Đ, sinh năm 1955 và bà N T K, sinh năm 1959; Vợ: L T H, sinh năm 1977 và 02 con: Lớn sinh năm 1995, nhỏ sinh năm 2007; tiền sự: không;

Tiền án: Có 01 tiền án: Ngày 24/11/2006, bị Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau xử phạt 04 tháng 05 ngày tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 01/2006/HS-ST, thời hạn tù bằng thời hạn tạm giam, nộp án phí ngày 02/8/2007.

Nhân thân: Ngày 02/8/2022, bị Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xử phạt 02 năm 04 tháng tù về tội “Đánh bạc” và tội “Trốn khỏi nơi giam giữ” theo bản án số 166/2022/HS-ST, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/02/2022, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/12/2021 đến ngày 12/02/2022 và chuyển sang tạm giam đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại: Ông L T S (Mất năm 2017).

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Bà Nguyễn Thị Liễu, sinh năm 1968 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Cái Đôi, xã P t, Huyện P T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ 00 ngày 05/9/2008, P H T đi bộ từ chợ Phú Tân về nhà, khi đi ngang nhà ông L S T, thuộc ấp C Đ N, xã P t, Huyện P T, tỉnh CM. T nhìn vào nhà ông Tuấn, thấy có 01 chiếc xe hiệu Suzuki Viva, biển số kiểm soát 69F4-5374 đang đậu trong nhà. Thấy không có người trong nhà, T nảy sinh ý định lấy trộm xe nên đi vòng ra phía sau nhà nhặt một đoạn cây gỗ cạy song cửa làm hở ra khoảng trống đi vào bên trong nhà đến vị trí xe đậu dẫn xe ra cửa trước đi về hướng chợ Phú Tân một đoạn, T bứt dây max và đạp cho xe chạy. T điều khiển xe đến thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai sử dụng làm phương tiện đi lại. Đến ngày 26/3/2009, T bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Tân bắt giữ và thu giữ tang vật 01 chiếc xe mô tô hiệu Suzuki Viva, biển số kiểm soát 69F4-5374.

Đến ngày 11/5/2009, bị cáo P H T đang bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện Phú Tân. Để cải thiện bữa ăn, cán bộ Nhà tạm giữ bố trí bị cáo đi giăng lưới bắt cá khu vực vuông tôm phía sau nhà tạm giữ, lợi dụng sơ hở, thiếu quan sát của cán bộ quản lý, bị cáo đã bỏ trốn. Ngày 12/5/2009, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Tân đã ra quyết định truy nã bị cáo. Ngày 26/12/2021, bị cáo T cùng đồng bọn thực hiện hành vi đánh bạc bị Công an thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương bắt tạm giam, ngày 12/02/2022 bị cáo T tiếp tục bỏ trốn đến ngày 17/02/2022 bị bắt lại theo lệnh truy nã; ngày 02/8/2022, Tòa án nhân dân huyện thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương đưa vụ án ra xét xử tuyên bố bị cáo phạm các tội “Đánh bạc” và tội “Trốn khỏi nơi giam, giữ”, xử phạt phạt bị cáo 02 năm 04 tháng tù và tạm giam đến nay.

Tại Bản kết luận định giá số 11/KL-HĐ-ĐGTSTTSH ngày 02/4/2009 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Phú Tân kết luận: Giá trị còn lại của chiếc xe mô tô hiệu Suzuki Viva, biển số kiểm soát 69F4-5374, số máy 418Vn:107921, số khung BE 42FVN:107921 là 8.320.000 đồng.

Cáo trạng số: 10/CT-VKS ngày 17/6/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân truy tố bị cáo P H T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 và tội “Trốn khỏi nơi giam, giữ” theo quy định tại khoản 1 Điều 311 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại lời khai ngày 05 tháng 05 năm 2022 (BL 131), đại diện hợp pháp của người bị hại là bà N Th L trình bày: Bà không yêu cầu về trách nhiệm hình sự và xin xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về tài sản bị mất trộm (Xe máy) đã nhận lại, không yêu cầu xem xét.

Tại phiên tòa, bị cáo P H T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu, bị cáo thừa nhận bị cáo là người lấy trộm tài sản (xe máy) của ông Lê S T và trong thời gian tạm giam tại Nhà tạm giam Công an huyện Phú Tân lợi dụng sơ hở bị cáo bỏ trốn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân thực hành quyền công tố tại phiên tòa trình bày bản luận tội:

- Sau khi phân tích đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, cũng như qua xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề T Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo P H T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 và tội “Trốn khỏi nơi giam” theo quy định tại khoản 1 Điều 386 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 BLHS xử phạt: Bị cáo P H T từ 09 tháng đến 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội “Trốn khỏi nơi giam”. Căn cứ Điều 55, 56 Bộ Luật hình sự, tổng hợp hình phạt bị cáo phải chịu từ 01 năm 09 tháng đến 02 năm 06 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, truy tố và xét xử, người đại diện hợp pháp của bị hại không đặt ra yêu cầu nên không đề T Hội đồng xét xử xem xét.

- Vật chứng vụ án là 01 chiếc xe máy hiệu Suzuki Viva, biển số kiểm soát 69F4-5374, số máy 418Vn:107921, số khung BE 42FVN:107921 đã trả cho ông Lê S Tuấn nên không yêu cầu Hội đồng xét xử xử lý.

Bị cáo P H T không có ý kiến tranh luận với vị đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và ăn năn, hối hận với hành vi phạm tội của mình, yêu cầu Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt để bị cáo sớm đoàn tụ với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Phú Tân, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo và bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Hội đồng xét xử xét thấy các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên được tiến hành trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh: Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan Điều tra và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở kết luận: Vào khoảng 23 giờ ngày 05/9/2008, bị cáo P H T có hành vi lén lúc đột nhập vào nhà ông Lê S Tuấn thuộc ấp Cái Đồi, xã P t, Huyện P T, tỉnh Cà Mau lấy trộm chiếc xe máy hiệu Suzuki Viva, biển số kiểm soát 69F4-5374, số máy 418Vn:107921, số khung BE 42FVN:107921 (trị giá 8.320.000 đồng) và vào ngày 11/5/2009, bị cáo lợi dụng sơ hở, thiếu quan sát của cán bộ quản lý thuộc Nhà tạm giữ Công an huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau có hành vi bỏ trốn khỏi nơi giam giữ trong thời giam tạm giam để điều tra.

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành các tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 và tội “Trốn khỏi nơi giam” theo quy định tại khoản 1 Điều 311 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Tuy nhiên, theo nguyên tắc áp dụng có lợi cho bị cáo thì xét xử bị cáo về “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 và tội “Trốn khỏi nơi giam” quy định tại khoản 1 Điều 386 Bộ luật hình sự hiện hành do mức hình phạt nhẹ hơn tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 và tội “Trốn khỏi nơi giam” theo quy định tại khoản 1 Điều 311 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Tại phiên tòa, quan điểm của Viện kiểm sát ở phần luận tội có thay đổi, đề T Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội “Trốn khỏi nơi giam” quy định tại khoản 1 Điều 386 Bộ luật hình sự năm 2015 là phù hợp nên được chấp nhận.

[3] Về trách nhiệm hình sự: Thấy rằng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của bị hại một cách trái pháp luật. Làm mất an ninh, trật tự xã hội, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Hành vi trốn khỏi nơi giam của bị cáo T còn xâm phạm đến quy định của Nhà nước về tạm giam, tạm giữ đối với bị can. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo T có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được lấy tài sản của người khác khi chưa được sự đồng ý chủ sở hữu là vi phạm pháp luật, nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân, ham muốn hưởng lợi trên sức lao động của người khác mà không phải lao động nên bị cáo cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần phải có hình phạt tương xứng hành vi phạm tội của bị cáo để răn đe, phòng ngừa chung trong nhân dân.

[4] Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Ngày 24/11/2006, bị Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiến, tỉnh Cà Mau xử phạt 04 tháng 05 ngày tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 01/2006/HS-ST, thời hạn tù bằng thời hạn tạm giam, nộp án phí ngày 02/8/2007. Đến ngày 05/9/2008 chưa được xóa án tích, bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Đó đó, hành vi phạm tội của bị cáo lần này thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo P H T được hưởng các tình tiết giảm nhẹ là người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đại diện hợp pháp của người bị hại có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Khi lượng hình, Hội đồng xét xử cần xem xét các tình tiết trên để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra vụ án, Cơ quan điều tra đã thu giữ của bị cáo 01 chiếc xe máy hiệu Suzuki Viva, biển số kiểm soát 69F4-5374, số máy 418Vn:107921, số khung BE 42FVN:107921, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Tân đã trả cho ông Lê S Tuấn. Nhận thấy, xe máy Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Tân đã giao trả lại cho bị hại là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Đối với hành vi “Đánh bạc” ngày 26/12/2021 và hành vi “Trốn khỏi nơi giam, giữ” ngày ngày 12/02/2022 của bị cáo đã được Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử tại bản án số 166/2022/HS-ST ngày 02/8/2022. Bản án đã có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 386; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 55, Điều 56, Điều 101 Bộ luật hình sự; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo P H T phạm tội "Trộm cắp tài sản" và tội “Trốn khỏi nơi giam”.

2. Về trách nhiệm hình sự: Xử phạt bị cáo P H T 01 (Một) tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù về tội “Trốn khỏi nơi giam”. Tổng hợp hình phạt hai tội là 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù. Tổng hợp hình phạt với Bản án hình sự số 166/2022/HS-ST ngày 02/8/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xử phạt bị cáo T 02 (hai) năm 04 (Bốn) tháng tù về tội “Đánh bạc” và tội “Trốn khỏi nơi giam, giữ”. Hình phạt chung bị cáo P H T phải chấp hành của hai bản án là 04 (Bốn) năm 07 (bảy) tháng tù, thời hạn tù được tính kể từ ngày 17/02/2022 nhưng được đối trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/3/2009 đến ngày 11/5/2009 và ngày 26/12/2021 đến ngày 12/02/2022.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo phải chịu số tiền là 200.000đ (chưa nộp).

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Bị hại; Người đại diện hợp pháp của bị hại;
- VKSND huyện Phú Tân; VKSND tỉnh Cà Mau;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Phú Tân;
- Cơ quan THA hình sự huyện Phú Tân;
- Cơ quan thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Nhà tạm giữ CA huyện Phú Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án; Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Bình

